

BÁO CÁO

**Đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022,
dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tại Công văn số 5032/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

I. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Trong 7 tháng đầu năm, với phương châm “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*” UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo xây dựng và ban hành các phương án, kế hoạch nhằm đảm bảo về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch phòng chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, vì vậy đa số các hoạt động sản xuất, kinh doanh đều đã hoạt động trở lại và chuyển sang trạng thái bình thường mới. Mặt khác, tình hình thời tiết cơ bản thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là trong sản xuất nông nghiệp. Do vậy, một số ngành, lĩnh vực có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ, như: sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, vận tải, thu - chi ngân sách nhà nước, đầu tư toàn xã hội, phát triển doanh nghiệp. Tình hình chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững.

Tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, kéo dài trong cả nước nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân, doanh nghiệp; bên cạnh đó giá nhiên liệu (xăng, dầu, gas) và vật liệu xây dựng tăng cao ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống Nhân dân. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đắk Nông đã chủ động triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tại các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về

thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bình ổn giá cả, kích cầu tiêu dùng; tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội. Với tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, bằng các giải pháp sáng tạo, linh hoạt, đồng bộ, tỉnh đã thực hiện tốt việc thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, khôi phục các điểm “nghẽn”, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế. Vì vậy tình hình kinh tế - xã hội 7 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cơ bản vẫn giữ được ổn định và đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện. Cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:

Về 11 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2022 đề ra tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/12/2021 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 2021 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, trong đó có 09 nhóm chỉ tiêu có thể đánh giá kết quả thực hiện 7 tháng đầu năm, 02 nhóm chỉ tiêu sẽ đánh giá vào cuối năm. Kết quả thực hiện 09 nhóm chỉ tiêu trong 6 tháng đầu năm như sau:

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP giá so sánh 2010) đạt 6,33% (KH trên 7,5%). Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp ước tăng 5,88%; Khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 8,11%; Khu vực dịch vụ ước tăng 6,41%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 1,38% (*riêng GRDP bình quân đầu người sẽ đánh giá vào cuối năm*).

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 8.309,5 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ (cùng kỳ 2021 đạt 6.555 tỷ đồng) và đạt 43% kế hoạch.

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 2.238 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 87% dự toán Trung ương giao và đạt 75% dự toán địa phương giao.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 66,7% (*kế hoạch 68%*); Tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%, đạt kế hoạch; Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,2%, đạt kế hoạch; Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới đạt 81,27% (*kế hoạch 82%*).

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm là 10.302 lượt người, đạt 57,23% kế hoạch và tăng 12,86% so với cùng kỳ; tỷ lệ người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 11,5%, vượt kế hoạch (*kế hoạch 11,2%*).

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Đánh giá cuối năm.

(7) Y tế: Đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân, đạt kế hoạch; đạt 7,3 bác sỹ/vạn dân (*kế hoạch 8,3*); Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của người dân đạt 81,33% (*kế hoạch 92%*).

(8) Giáo dục: Đã công nhận mới 09 trường học đạt chuẩn quốc gia, tăng

05 trường so với cùng kỳ và đạt 90% kế hoạch.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 60,56%, vượt kế hoạch (*kế hoạch 53%*);

(10) Môi trường: Trồng mới rừng tập trung đạt 332,87ha, đạt 20,05% kế hoạch; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,15% (*kế hoạch 38,5%*).

(11) Nông thôn mới: Đánh giá cuối năm.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Công nghiệp: Tình hình sản xuất công nghiệp cơ bản vẫn giữ được nhịp tăng trưởng, hầu hết các doanh nghiệp đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch, phương án sản xuất thích ứng, an toàn linh hoạt trong tình hình mới, một số một số sản phẩm công nghiệp sản xuất ổn định do doanh nghiệp chủ động được nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ ổn định, bên cạnh đó thời tiết thuận lợi cho các dự án thủy điện nhỏ, điện mặt trời vận hành đảm bảo công suất thiết kế, có 01 dự án điện gió Đắk Hòa, công suất 50MW đã đi vào vận hành phát điện từ tháng 11/2021 góp phần làm tăng sản lượng điện sản xuất so với cùng kỳ, vì vậy phần lớn các sản phẩm chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ⁽¹⁾. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 7 tháng đầu năm 2022 ước tăng 7,97% so với cùng kỳ⁽²⁾.

2.2. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt: Gieo trồng vụ Đông Xuân 2021-2022 đạt 10.318,6 ha, nhiều hơn cùng kỳ năm trước 13 ha, đạt 101,2% kế hoạch; đến nay đã thu hoạch xong 10.318,6 ha, đạt 100% diện tích gieo trồng. Vụ Hè Thu năm 2022 gieo trồng 50.637 ha/61.678 ha kế hoạch, đạt 82,10%. Diện tích cây lâu năm chưa có sự biến động do mới bắt đầu vào mùa mưa; tình hình sinh trưởng và phát triển ổn định. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng không đáng kể, tỷ lệ gây hại thấp.

b) Chăn nuôi và thủy sản:

Tổng đàn lợn có 418.822 con (đạt 104,71 kế hoạch năm) với 279 cơ sở chăn nuôi heo quy mô trang trại; tổng đàn bò có 27.048 con (đạt 87,25% kế hoạch năm) và tổng đàn trâu có 3.400 con (đạt 68% kế hoạch năm) với 73 cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại (quy mô từ 15 đến 60 con); tổng đàn gia cầm có 2,212,7 triệu con (đạt 79 % kế hoạch năm) với 41 cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại; Tổng đàn dê có 39.425 con (đạt 73,01% so với kế hoạch). Dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 07 huyện, thành phố với tổng số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 1.357 con/82.118 kg⁽³⁾; hiện có 02 xã/01 huyện dịch bệnh chưa qua 21 ngày⁽⁴⁾.

¹ Cồn công nghiệp ước đạt 4.700 tấn, tăng 9,6%; cà phê bột ước đạt 903 tấn, tăng 11%; ván MDF ước đạt 23.258 m³, tăng 9%; tinh bột sắn ước đạt 20.100 tấn, tăng 42,5%; mùn cao su ước đạt 4.300 tấn, tăng 13,2%; Điện sản xuất ước đạt 1.130 triệu kwh, tăng 51,5%; điện thương phẩm ước đạt 395 triệu kwh, tăng 3,4%; gạch xây dựng ước đạt 120 triệu viên, tăng 4,3%; bồn inox, bồn nhựa ước đạt 25.600 sản phẩm, tăng 4,6%.

² Trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 2,22%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,87%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 16%; Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,37%.

³ Huyện Krông Nô 07 con/600kg/02 hộ/02 thôn/02 xã; huyện Đắk Mil là 105con/4.968kg/10hộ/07thôn/05xã; Huyện Cư Jút 57 con/ 2660kg/01 hộ/01 thôn/01 xã; Huyện Đắk R'Lấp là 342 con/ 15.598kg/02 hộ/02 thôn/02 xã; Huyện Đắk Song: 586 con/50.564 kg/26 hộ/08 thôn, bon/04xã, thị trấn; TP Gia Nghĩa là 175 con/5.528kg/01hộ/01 thôn/01 xã; Huyện Đắk Glong 85 con/2.200kg/02 hộ/02 thôn/02 xã.

Bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò xảy ra tại 02 huyện⁽⁵⁾ với số bò mắc bệnh 13 con, trong đó có 02 con chết và tiêu hủy, khối lượng tiêu hủy 160kg. Cấp phát 58.350 liều vắc xin cho các huyện, thành phố triển khai tiêm phòng⁽⁶⁾. Hoàn thành công tác tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng đợt 1/2022 cho đàn gia súc trên địa bàn tỉnh; kết quả tiêm được 21.201/22.450 liều, đạt 94% so với kế hoạch⁽⁷⁾.

Tổng diện tích nuôi trồng đạt 1.950 ha/1.950ha (đạt 100% Kế hoạch; Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 4.750/8.061 tấn KH (đạt 58,93% kế hoạch); trong đó trong đó sản lượng từ nuôi trồng thủy sản 4.250 tấn và khai thác thủy sản đạt 500 tấn.

c) Lâm nghiệp:

Tổ chức Lễ phát động Tết trồng cây nhân dịp Xuân Nhâm Dần năm 2022, kết quả đã trồng 4.995 cây Dầu rái, Sao đen; tổ chức lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và tổ chức trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán năm 2022 tại khuôn viên Tượng đài anh hùng N’Trang Long, tại buổi lễ 1.000 cây thông 3 lá đã được trồng quanh khu vực tượng đài N’Trang Long, đồi Đắc Nút. Đến nay, toàn tỉnh đã trồng mới rừng tập trung được 556,28 ha (trong đó: trồng rừng tập trung 272,42 ha; trồng cây phân tán 143,06 ha, nông lâm kết hợp 70,80 ha và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 70 ha) đạt 33,5% kế hoạch HĐND tỉnh giao (kế hoạch 1.659,5 ha). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,15%/kế hoạch 38,5%.

Trong kỳ, đã xảy ra 200 vụ phá rừng, giảm 13 vụ (giảm 6,1%) so với cùng kỳ, diện tích rừng bị thiệt hại 43,55 ha, giảm 10,5 ha (giảm 19,43%) so với cùng kỳ. Mặc dù tình hình phá rừng đã giảm so với cùng kỳ năm ngoái, phá rừng xảy ra với quy mô nhỏ, lẻ, ít nghiêm trọng, chủ yếu tập trung tại địa bàn huyện Đăk Glong, tuy nhiên tình trạng phá rừng trên địa bàn tỉnh vẫn xảy ra nhiều, phần lớn các vụ phá rừng chưa xác định đối tượng vi phạm, việc xử lý diện tích đất phá rừng, lấn chiếm trái phép còn nhiều bất cập; một số đơn vị chủ rừng chưa thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ, chưa tích cực trong công tác tuần tra kiểm tra; diện tích rừng manh mún, nhỏ lẻ, phân tán, nằm liền kề hoặc xen kẽ diện tích đất canh tác của người dân, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Nhìn chung, từ kết quả sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trồng trọt đã góp phần tăng chất lượng, giá trị nông sản nói chung của toàn tỉnh. Nhiều mô hình, hộ dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, trang trại đã có thu nhập ổn định, cao hơn so với bình quân chung của toàn tỉnh. Dần đưa sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hình thức tự phát, sản xuất tự

⁴ Xã Nam Njang, xã Trường Xuân huyện Đăk Song.

⁵ Tại huyện Krông Nô: xảy ra tại 02 hộ, 02 thôn, 02 xã (Đăk Nang và Nam Nung), số bò mắc bệnh là 12 con, chết và tiêu hủy 02 con, khối lượng 160kg; Tại huyện Cư Jút: xảy ra tại 01 hộ, thôn 6, xã Trúc Sơn, số bò mắc bệnh là 01 con.

⁶ bao gồm: 22.450 liều Vắc xin Lở mồm long móng; 17.000 liều vắc xin Đại (10.000 liều từ nguồn hỗ trợ của trung ương và 7.000 liều từ ngân sách tỉnh); 18.900 liều vắc xin viêm da nổi cục trên trâu, bò.

⁷ Riêng huyện Tuy Đức triển khai tiêm phòng LMLM muộn, hiện nay vẫn tiếp tục tiêm phòng và một số huyện đang rà soát tiêm bổ sung cho đàn gia súc.

cung, tự cấp chuyển dần sang hướng sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ; chuyển từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang phát triển kinh tế nông nghiệp.

2.4. Thương mại, dịch vụ:

a) Thương mại: Tình hình thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm người dân; lượng hàng hoá phục vụ các ngày Lễ, Tết phong phú, đa dạng về chủng loại, mẫu mã và đảm bảo chất lượng. Tình hình giá cả ở hầu hết các mặt hàng đều đang có xu hướng tăng do chịu sức ép tăng giá cùng với giá xăng dầu và gas tăng, chi phí sản xuất đầu vào của tất cả các ngành sản xuất, dịch vụ đều bị ảnh hưởng, giá các mặt hàng nông sản chủ lực như: cà phê, tiêu giảm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh 7 tháng đầu năm 2022 ước đạt 11.543,85 tỷ đồng⁽⁸⁾, tăng 21,32% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 67,11% kế hoạch (kế hoạch 17.200 tỷ đồng).

b) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): bình quân 7 tháng năm 2022 tăng 2,80% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Trong đó tăng ở tất cả các nhóm hàng hoá⁽⁹⁾, chỉ có nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,67%.

c) Xuất, nhập khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 633,7 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 54,16% kế hoạch (kế hoạch là 1.170 triệu USD). Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng⁽¹⁰⁾.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 160,9 triệu USD, giảm 49,5% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 48,75% kế hoạch (kế hoạch là 330 triệu USD), nguyên nhân do nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị, phụ tùng giảm so với cùng kỳ.

d) Du lịch: Nhằm khôi phục và phát triển hoạt động du lịch sau đại dịch, ngày 19/4/2022 UBND tỉnh đã ban hành Phương án số 195/PA-UBND về mở cửa lại hoạt động du lịch trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh, trong đó triển khai đón khách du lịch quốc tế đến tham quan, du lịch trở lại trên địa bàn tỉnh trong điều kiện bình thường mới, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19; mặc khác các cơ sở kinh doanh du lịch đã chú trọng trong công tác đầu tư, xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở thêm nhiều loại hình dịch vụ mới phù hợp với thị hiếu của du khách vì vậy hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn có nhiều khởi sắc, du khách đến tham quan, du lịch trên địa bàn tỉnh tăng mạnh, đặc biệt là trong dịp lễ

⁸ Trong đó: Thương nghiệp ước đạt 9.151,38 tỷ đồng, tăng 12,45%; Lưu trú và ăn uống ước đạt 1.981,86 tỷ đồng, tăng 93,74%; Doanh thu du lịch ước đạt 0,553 tỷ đồng, tăng 138,36%; Dịch vụ khác ước đạt 410,05 tỷ đồng, tăng 15,78%.

⁹ Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,87%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,66%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 8,87%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,75%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; nhóm giao thông tăng 14,14%; nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,08%; nhóm giáo dục tăng 1,30%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,99%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 3,45%.

¹⁰ Như: Cà phê ước đạt 80,9 triệu USD, tăng 7%; Điều nhân ước đạt 114,5 triệu USD, tăng 14%; tiêu đen ước đạt 77,5 triệu USD, tăng 16,9%; Đậu phộng sấy ước đạt 0,9 triệu USD, tăng 50%; Ván MDF ước đạt 15,2 triệu USD, tăng gấp đôi; nhôm ước đạt 186,1 triệu USD, tăng 132%; các sản phẩm khác ước đạt 94,9 triệu USD, tăng 14,9%.

30/4/-01/5/2022. Vì vậy, tổng lượt khách du lịch đến Đăk Nông trong 7 tháng đầu năm ước đạt 285.500 lượt khách, tăng 138,9% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó khách quốc tế ước đạt 700 lượt, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2021.

2.5. Đầu tư phát triển:

a) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành 7 tháng đầu năm ước đạt 8.309,5 tỷ đồng⁽¹¹⁾, tăng 27% so với cùng kỳ, đạt 43% kế hoạch.

b) Tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước, tỷ lệ giải ngân trong kỳ:

Tổng kế hoạch vốn năm 2022 là 2.783,517 tỷ đồng, bao gồm: Nguồn ngân sách địa phương là 1.192,73 tỷ đồng (đã phân bổ 1.144,655 tỷ đồng, đạt 96%); nguồn ngân sách trung ương là 1.232,5 tỷ đồng (đã phân bổ 1.232,5 tỷ đồng, đạt 100%); nguồn vốn ODA là 358,287 tỷ đồng (đã phân bổ 259,234 tỷ đồng, đạt 72,35%).

Đến 31/7/2022 đã giải ngân vốn đầu tư công đạt 964,012 tỷ đồng/2.783,517 tỷ đồng, đạt 34,6%, cao hơn cùng kỳ năm 2021⁽¹²⁾ và cao hơn mức trung bình của cả nước⁽¹³⁾. Nhìn chung kết quả giải ngân vốn đầu tư công vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, nguyên nhân chủ yếu do phần lớn kế hoạch vốn bố trí cho các dự án khởi công mới, các chủ đầu tư đang tập trung thực hiện lựa chọn nhà thầu, thiết kế xây dựng công trình, khảo sát, xây dựng, lập, thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công... Song song với việc đẩy nhanh hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục đầu tư, nâng cao hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công, các địa phương cũng đang tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để bàn giao thực hiện dự án.

c) Nguồn viện trợ phát triển (ODA) và phi chính phủ nước ngoài (NGO):

Nguồn viện trợ phát triển (ODA): Nguồn vốn ODA năm 2022 là 358,287 tỷ đồng, đã phân bổ 259,234 tỷ đồng, đạt 72,35%, còn lại 99,053 tỷ đồng, dự kiến phân bổ cho các dự án: (1) Dự án Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Đăk Nông dự kiến bố trí 22,9 tỷ đồng. Đến nay, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý nội dung Thỏa thuận vay Quỹ Ả rập Xê út, đồng thời ủy quyền cho Đại sứ Việt Nam tại Ả rập Xê út thay mặt Chính phủ Việt Nam ký Thỏa thuận vay với đại diện có thẩm quyền của Quỹ Ả rập Xê út cho dự án (tại Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 13/4/2022). Bộ Tài chính đã có Văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Ả rập Xê út thúc đẩy sớm ký Hiệp định vay (tại các Công văn: số 5613/BTC-QLN ngày 14/6/2022, số 6417/BTC-QLN ngày 05/7/2022). Do đó, sau khi dự án hoàn thiện ký kết thỏa thuận vay, UBND tỉnh Đăk Nông sẽ phân bổ số vốn nêu trên cho dự án theo quy định; (2) Dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đăk Nông: Dự kiến bố trí 8,925 tỷ đồng. Hiện dự án chưa được bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai

¹¹ Trong đó: vốn nhà nước trên địa bàn là 1.765,9 tỷ đồng; vốn ngoài nhà nước là 6.510,7 tỷ đồng; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 32,8 tỷ đồng.

¹² Đến 30/6/2021 tỷ lệ giải ngân chung đạt 503,681 tỷ đồng/1.943,995 tỷ đồng, đạt 25,9% kế hoạch (Báo cáo số 479/BC-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh).

¹³ Đến 30/6/2021 tỷ lệ giải ngân chung toàn quốc ước đạt 154.779,88 tỷ đồng/626.148,55 tỷ đồng, đạt 24,72% kế hoạch (Công văn số 6013/BTC-ĐT ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính).

đoạn 2021-2025. Về nội dung này, UBND tỉnh đã kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho dự án (tại các Công văn: số 6829/UBND-KTTH ngày 23/11/2021; số 33/UBND-KTTH ngày 05/01/2022, số 1259/UBND-KT ngày 17/3/2022). Do đó, sau khi có ý kiến thống nhất từ trung ương, UBND tỉnh Đắk Nông sẽ giao kế hoạch vốn cho dự án theo quy định; (3) Còn lại số vốn chưa dự kiến phân bổ là 67,228 tỷ đồng, gồm: 24,8 tỷ đồng điều chỉnh giảm của Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới, tỉnh Đắk Nông và 42,428 tỷ đồng vốn ODA cấp phát từ ngân sách trung ương cho các dự án chưa có khả năng phân bổ do chênh lệch tỷ lệ giữa vốn địa phương vay lại để bù đắp bội chi ngân sách địa phương với vốn ODA trung ương cấp phát; đồng thời, qua rà soát, các dự án ODA đang triển khai trên địa bàn tỉnh đến nay không có khả năng giải ngân được số vốn nêu trên trong năm 2022.

Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO): Trong 7 tháng đầu năm 2022, không thu hút được nguồn vốn NGO. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 15 tổ chức đã được cấp phép hoạt động, trong đó có 4 tổ chức đang triển khai thực hiện các chương trình, dự án⁽¹⁴⁾. Các dự án do các tổ chức NGO triển khai trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và những cam kết giữa các tổ chức NGO với địa phương, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

đ) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong 7 tháng đầu năm 2022, không thu hút được dự án FDI. Tổng số dự án FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện nay là 12 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký hơn 227 triệu USD. Trong thời gian qua các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh vẫn hoạt động ổn định, chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

e) Thu hút và xúc tiến đầu tư:

Trong 7 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 11 dự án đầu tư ngoài ngân sách, tăng 03 dự án so với cùng kỳ 2021 với tổng mức đầu tư đăng ký là 996 tỷ đồng, giảm 662 tỷ đồng so với cùng kỳ 2021⁽¹⁵⁾. Mặc dù số dự án thu hút đầu tư tăng (tăng 37,5%) nhưng đa số các dự án chấp thuận chủ trương đầu tư năm 2022 có quy mô nhỏ, tổng mức đăng ký đầu tư thấp dẫn đến tổng mức đầu tư giảm so với cùng kỳ (giảm 40,6%). Ngoài ra, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với 02 dự án vào Khu công nghiệp Tâm Thắng với tổng vốn đăng ký đầu tư 359,17 tỷ đồng, diện tích đất thuê lại là 8,34 ha⁽¹⁶⁾, hiện nay, cả đầu tư các dự án

¹⁴ Gồm có: Tổ chức Actinon Aid Việt Nam (AAV): Dự án sinh kế bền vững cho nhóm nông dân nghèo tại huyện Krông Nô giai đoạn 2018-2022; Tổ chức Maison Chance (Pháp): Dự án Trung tâm bảo trợ xã hội tại xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô; Tổ chức Tâm nhìn thế giới (World Vision): Chương trình phát triển vùng tại huyện Đắk R'lấp giai đoạn 2017-2022; Tổ chức Room to Read (RtR): Chương trình thư viện thân thiện trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2019-2022.

¹⁵ Trong 07 tháng đầu năm 2021, thu hút được 08 dự án đầu tư ngoài ngân sách với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.628 tỷ đồng.

¹⁶ Gồm: Dự án Nhà máy sản xuất cà phê hoà tan chất lượng cao (công suất 420 tấn/năm; vốn đầu tư 59,17 tỷ đồng; diện tích đất sử dụng 1,6 ha) do Công ty Cổ phần Fine Robusta Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Nhà máy

đã thực hiện ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư và đang triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Với quyết tâm lớn của tỉnh trong chỉ đạo, điều hành, nỗ lực đẩy mạnh cải cách hành chính để đồng hành cùng nhà đầu tư, trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chủ động kết nối, mời gọi, gặp gỡ, làm việc với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đến khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư. Qua đó, các nhà đầu tư đã đề xuất, cam kết sớm triển khai nhiều dự án có quy mô và vốn đăng ký đầu tư rất lớn trên địa bàn tỉnh như: Dự án Tổ hợp Bô xit – Alumin – Nhôm do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đề xuất khảo sát với tổng mức đầu tư dự kiến 2,02 triệu USD; dự án Tổ hợp Bô xit – Alumin – Nhôm do Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương đề xuất khảo sát với tổng mức đầu tư dự kiến 2,94 tỷ USD; dự án đầu tư tổ hợp chế biến sâu quặng Bauxite do Công ty Cổ phần Tập đoàn hóa chất Đức Giang đề xuất khảo sát với tổng mức đầu tư dự kiến 36.000 tỷ đồng; dự án Khu nhà ở nghỉ dưỡng và Du lịch sinh thái Daksun Hill do Công ty Cổ phần Daksun Hill đề xuất với tổng mức đầu tư dự kiến 2.323 tỷ đồng...

Nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư đến khảo sát, làm việc, tìm kiếm cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 về Hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh; với nội dung: Hướng dẫn sắp xếp trình tự thực hiện các bước thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật đã ban hành, tích hợp các thủ tục hành chính của các ngành, lĩnh vực liên quan đã được cấp có thẩm quyền ban hành (có giảm thêm thời gian giải quyết thủ tục của cơ quan nhà nước) mà không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh: Hiện nay, Tổ xây dựng chính sách đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi theo đúng quy trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022 nhằm tạo hành lang pháp lý, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính để đồng hành cùng nhà đầu tư.

2.6. Tài chính, thu, chi ngân sách:

a) Ngân hàng: Tổng nguồn vốn huy động đến ngày 31/7/2022 ước đạt 18.864 tỷ đồng, tăng 187 tỷ đồng (1,0%) so với đầu tháng, tăng 4.469 tỷ đồng (31,04%) so với đầu năm. Trong đó, nguồn vốn huy động trên 12 tháng ước đạt 3.962 tỷ đồng, chiếm 21% tổng nguồn vốn huy động, tăng 22 tỷ đồng (0,55%) so với đầu tháng, tăng 861 tỷ đồng (27,76%) so với đầu năm, tốc độ tăng trưởng

sản xuất phân bón Đức Giang - Đắk Nông (công suất 200.000 tấn NPK và 4.800 tấn Kali Sunfat/năm; vốn đầu tư 300 tỷ đồng; diện tích đất sử dụng 7,74 ha) do Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông làm chủ đầu tư.

tương đối ổn định, góp phần phục vụ phát triển các công trình, dự án dài hạn của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công trên địa bàn trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, được cải thiện đáng kể cả về quy mô, chất lượng thanh toán: 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký nộp thuế điện tử, 86,27% trên tổng số thu ngân sách nhà nước được hạch toán bằng phương thức điện tử (với 1.307 tỷ đồng, chiếm 96,71% tổng số lượt giao dịch phát sinh), các khoản chi ngân sách nhà nước qua ngân hàng đạt 99,5%/tổng số chi ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Đắk Nông (100% hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng được tiếp nhận và xử lý hoàn bằng phương thức điện tử).

b) Thu, chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 2.238 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 87% dự toán Trung ương giao và đạt 75% dự toán địa phương giao. Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước đạt khá, vượt tiến độ đề ra và tăng so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách địa phương là 4.280,45 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 55% dự toán địa phương giao. Nhìn chung, chi ngân sách địa phương được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

2.7. Doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh:

a) Phát triển doanh nghiệp: Trong 7 tháng đầu năm 2022, có 442 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 20,1% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký là 3.373 tỷ đồng, giảm 16,2% so với cùng kỳ. Có 64 doanh nghiệp giải thể, tăng 68,4% so với cùng kỳ; 180 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 63,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động có thời hạn tăng cao do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 gây ra, làm gián đoạn chuỗi cung ứng, giảm đơn hàng, giảm sản lượng, rủi ro trong thu hồi công nợ, mất cân đối dòng tiền, mất khả năng thanh toán; thiếu hụt nguồn lực; giảm việc làm... Nhìn chung trong quý I hoạt động của các doanh nghiệp còn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19; bước sang quý II với nỗ lực tăng độ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 các hoạt động đời sống xã hội trở lại trạng thái bình thường đã có tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh, số doanh nghiệp mới thành lập tăng cả về số lượng và số vốn đăng ký⁽¹⁷⁾.

b) Cải thiện chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Ngày 27/4/2022, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021 (PCI 2021). Theo kết quả công bố, Chỉ số PCI 2021 tỉnh Đắk Nông đạt 61.95 điểm, xếp thứ 52/63 tỉnh, thành, tăng 8 bậc so với

¹⁷ Riêng quý II (từ ngày 01/3 đến 30/6/2022) có 301 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 29,1% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký là 2.723 tỷ đồng, tăng 83,2% so với cùng kỳ.

năm 2020, vượt 7 bậc so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra. Đây cũng là thứ hạng cao nhất địa phương đạt được trong 05 năm gần đây. Nhằm tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được trong năm 2021, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 26/01/2022 về triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022. Đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 theo Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai Chương trình số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành đã xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường công tác hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; triển khai các giải pháp hỗ trợ về thị trường, lao động, thuế theo tinh thần chung của Trung ương. Cụ thể UBND tỉnh đã làm việc với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh và đã thống nhất triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch và mở rộng cho vay mới nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện mục tiêu kép vừa quyết liệt phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường thực hiện đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tham dự thầu phù hợp với tình hình dịch bệnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã tổ chức thành công Hội nghị Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh năm 2022 để UBND tỉnh và các doanh nghiệp cùng trao đổi, thảo luận nhằm tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để thu hút nhà đầu tư vào địa phương. Tại Hội nghị này, các chuyên gia và đại diện các tập đoàn kinh tế đã chia sẻ chia sẻ những khó khăn, thách thức khi đầu tư vào Đắk Nông cũng như các giải pháp kêu gọi đầu tư, giúp phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

2.8. Công tác lập, phê duyệt và triển khai các quy hoạch

a) Về triển khai lập quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Hiện nay Liên danh tư vấn đã hoàn dự thảo báo cáo QH tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã có văn bản gửi Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các sở, ban, ngành, địa phương xin ý kiến về Quy hoạch tỉnh. Dự kiến cuối tháng 8/2022 trình xin ý các bộ, các tỉnh lân cận. Ngoài ra, Đơn vị tư vấn đã hoàn thành tiếp thu chỉnh sửa và hoàn thiện 32/34 nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh; Ban QLDA lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục đôn đốc Đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thành 02/34 nội dung đề xuất đưa vào quy hoạch để tổ chức xin ý kiến các sở ngành, UBND các huyện, thành phố.

b) Công tác lập, thẩm định Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022: Trên cơ sở đề nghị của UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa về việc thẩm định Quy hoạch sử dụng đất cấp

huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tổ chức thẩm định 08/08 hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

c) Công tác lập quy hoạch đô thị, xây dựng: Công tác chỉ đạo lập quy hoạch đô thị, tập trung đầu tư xây dựng đô thị, nâng cấp, phân loại đô thị đạt kết quả cao; qua đó, đã tác động mạnh mẽ, làm thay đổi cách nghĩ, cách làm, chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương và Nhân dân trong công tác huy động nguồn lực, vận dụng chính sách, lồng ghép các chương trình để phát triển đô thị; công tác phân loại đô thị đã đạt kết quả theo lộ trình, tạo điều kiện cần thiết để thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính các đô thị theo quy định; nhận thức về quy hoạch, phát triển đô thị được đổi mới và từng bước hoàn thiện, đời sống dân cư đô thị được cải thiện đáng kể. Hiện nay trên địa bàn các huyện, thành phố Gia Nghĩa đều có quy hoạch chung đô thị được duyệt. Quy hoạch chung đô thị được duyệt là cơ sở để quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng, kêu gọi đầu tư xây dựng để phát triển đô thị và nông thôn, nhằm tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, nông thôn, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở để tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống trong đô thị, được thể hiện thông qua đồ án quy hoạch đô thị. Trên cơ sở quy hoạch chung, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa triển khai lập các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết⁽¹⁸⁾. Ngoài ra, còn có các quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Nhân Cơ 2; quy hoạch chi tiết cụm Công nghiệp Thuận An, Đăk Mil; quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Tâm Thắng, Cư Jút. Có 60/60 xã có quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới được phê duyệt.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị: Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông của dự án được thực hiện theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo tốt việc kết nối giao thông tại các khu vực trong tỉnh, liên tỉnh. Phát triển đô thị xanh, đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đảm bảo đô thị hóa nhanh, bền vững.

3. Về phát triển văn hóa, xã hội:

3.1. Văn hóa:

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước cũng như của địa phương⁽¹⁹⁾, đặc biệt là tổ chức thành công chương trình nghệ thuật “Đắk Nông một tình yêu” nhân dịp kỷ niệm 132 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2022); Tổ chức Hội thi nấu ăn với chủ đề “Bữa cơm gia đình ấp áp yêu thương” nhân dịp kỷ niệm 21 năm Ngày Gia

¹⁸ Thành phố Gia Nghĩa: Có 1 quy hoạch chung, 5 quy hoạch phân khu và 51 quy hoạch chi tiết. Huyện Cư Jút: Có 02 quy hoạch chung, 01 quy hoạch chi tiết. Huyện Đắk Glong: Có 01 quy hoạch chung, 02 quy hoạch chi tiết. Huyện Đắk Mil: Có 01 quy hoạch chung, 05 quy hoạch chi tiết. Huyện Đắk R’lấp: Có 01 quy hoạch chung, 01 Quy hoạch phân khu, 05 quy hoạch chi tiết. Huyện Đắk Song: Có 01 quy hoạch chung. Huyện K’rông Nô: Có 01 quy hoạch chung, 06 quy hoạch chi tiết. Huyện Tuy Đức: Có 01 quy hoạch chung, 01 quy hoạch chi tiết.

¹⁹ Tổ chức 35 buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ cơ sở (đến thời điểm báo cáo, mới biểu diễn được 16 buổi); biểu diễn gần 30 chương trình văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị của tỉnh và các Sở, ban, ngành; đồng thời, thực hiện 16 buổi xe loa tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa.

đình Việt Nam (28/6/2001-28/6/2022); tổ chức Ngày Hội sách và văn hóa đọc năm 2022. Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền các hoạt động chính trị của đất nước cũng như địa phương⁽²⁰⁾. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm triển khai thực hiện tốt⁽²¹⁾.

Đến nay, toàn tỉnh có 131.494/151.359 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 86,87%, vượt kế hoạch; 641/713 thôn, bon, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn văn hóa đạt tỷ lệ 89,90%, vượt kế hoạch; 824/859 cơ quan đơn vị đạt văn hóa đạt tỷ lệ 95,92%, vượt kế hoạch và 43/71 xã văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị đạt tỷ lệ 60,56%, vượt kế hoạch.

3.2. Thể dục và thể thao: Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh từ tỉnh đến cơ sở và đã có những bước phát triển sâu rộng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và Giải Việt dã tỉnh Đắk Nông lần thứ 16, năm 2022; Giải Vô địch Bóng chuyền nam, nữ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII và Giải Vô địch Bóng đá Mini nam tỉnh Đắk Nông lần thứ VI. Tổ chức Đại hội thể dục, thể thao các huyện, thành phố; tổ chức thành công giải đấu lượn Tà Đùng.

3.3. Giáo dục và đào tạo: UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của ngành, đảm bảo thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đúng tiến độ đề ra, đảm bảo phù hợp với công tác phòng chống dịch. Đến nay, ngành Giáo dục đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021-2022 đạt tiến độ, kế hoạch đề ra. Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương với mục tiêu kép là vừa đảm bảo chất lượng giáo dục, vừa phòng chống dịch hiệu quả. Quy mô giáo dục phát triển ổn định, chất lượng đào tạo cũng từng bước được cải thiện, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực có chất lượng cho địa phương và các tỉnh lân cận. Cơ bản triển khai có hiệu quả việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, mà trước hết là đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 6 năm học 2021-2022. Việc biên soạn tài liệu giáo dục địa phương được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng tiến độ đề ra. Chỉ đạo ngành Giáo dục phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai chương trình “Sóng và máy tính cho em” đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Triển khai công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2022-2023 và công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 3, lớp 7, lớp 10 dùng trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2022-2023 và công tác biên soạn Tài liệu giáo dục địa phương. Trong 7 tháng đầu năm 2022, ngành Giáo dục đã kiểm tra và công nhận mới 10 trường học đạt

²⁰ Tổ chức Triển lãm tranh pano tấm lớn tuyên truyền kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2022) với 74 tranh cổ động (295m2 pano) là tác phẩm đạt giải trong cuộc thi sáng tác tranh cổ động do Cục Văn hoá cơ sở tổ chức.

²¹ Suu tầm được 1.948 hiện vật (trong đó, 1.909 hiện vật khảo cổ học, 29 hiện vật văn hóa dân tộc phong phú và mỹ thuật cao). Hoàn thiện hồ sơ cho 4.290 hiện vật gồm: 2.813 hiện vật xương, 887 hiện vật gốm, 590 hiện vật văn hóa dân tộc trong bộ sưu tập hiện vật khai quật được tại hang động núi lửa Krông Nô và hiện vật do các nhà sưu tập tỉnh Bình Thuận hiến tặng. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện các loại bản đồ Di tích lịch sử Sở chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên và Di tích địa điểm khảo cổ Hang động núi lửa C6-1 (Krông Nô).

chuẩn quốc gia, tăng 05 trường so với cùng kỳ và đạt 100% kế hoạch. Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 176/317 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 55,52%.

3.4. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân:

Công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế luôn được chú trọng và từng bước được cải thiện, hiệu quả hơn. Tổng số bệnh nhân đến khám chữa bệnh trong 7 tháng đầu năm 2022 là 349.752 lượt, trong đó: tuyến tỉnh/huyện là 288.217 lượt (giảm 7.8% so với cùng kỳ năm 2021 với 312.613 lượt), tuyến xã là 61.535 lượt; tổng số khám BHYT là 311.580 lượt, trong đó: tuyến tỉnh/huyện là 250.045 lượt (giảm 10.9% so với cùng kỳ năm 2021 với 280.861 lượt), tuyến xã là 49.989 lượt; tổng số lượt điều trị nội trú là 27.550 lượt, trong đó: tuyến tỉnh/huyện là 27.424 lượt (giảm 11.6% so với cùng kỳ năm 2021 với 31.040 lượt), Tuyến xã là 129 lượt.

Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của người dân trên địa bàn tỉnh tính đến thời điểm báo cáo đạt 81,3%. Công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn luôn được chú trọng và từng bước được cải thiện, hiệu quả hơn.

3.5. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Ban hành Quyết định công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, kết quả điều tra, rà soát cuối năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, như sau: Hộ nghèo có: 18.290 hộ, 87.125 khẩu, chiếm tỷ lệ 11,19%; Hộ cận nghèo có: 10.929 hộ, 47.760 khẩu, chiếm tỷ lệ 6,96%.

Công tác an sinh xã hội, chế độ đối với người có công, gia đình chính sách, được được chú trọng, thực hiện tốt, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng theo quy định, nhất là vào các dịp lễ, tết; kịp thời hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

3.6. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm: Số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm đạt 10.302 lượt người⁽²²⁾, tăng 12,6% so với cùng kỳ và đạt 57,23% kế hoạch; tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho 3.456 người⁽²³⁾, đạt 86,5% kế hoạch. Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ước đạt 575.332 người, đạt 98,7% kế hoạch, tăng 31,2%. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia Bảo hiểm xã hội đạt 11,5%, vượt kế hoạch.

3.7. Phát triển khoa học và công nghệ: Triển khai 37 nhiệm vụ khoa học và công nghệ⁽²⁴⁾ theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trong đó hướng tới khai thác các thế mạnh của địa phương, đặc biệt vấn đề về phát

²² Trong đó số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm trong nước là 10.192 lượt người, chiếm 98,98% tổng số lao động được tạo việc làm.

²³ Trong đó: 34 người trình độ cao đẳng, 918 người trình độ trung cấp (tiếp tục đào tạo các khóa đã tuyển sinh năm 2020-2021 tại: trường CĐCD Đắk Nông 761 người; Trường trung cấp KT-KT Phương Nam 142 người); 2.504 người trình độ sơ cấp và thường xuyên dưới 03 tháng (theo hình thức xã hội hóa nghề lái xe ô tô).

²⁴ Gồm 12 nhiệm vụ cấp quốc gia (07 nhiệm vụ mở mới và 05 nhiệm vụ chuyển tiếp), 25 nhiệm vụ cấp tỉnh (5 nhiệm vụ mở mới, 20 nhiệm vụ chuyển tiếp).

triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản là sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hỗ trợ kịp thời cho các nhân, đơn vị đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung vào các sản phẩm phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được chú trọng triển khai, góp phần ngăn chặn các hiện tượng gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và công tác quản lý, khai thác phát triển tài sản trí tuệ các sản phẩm được bảo hộ đã được quan tâm.

3.8. Báo chí, phát thanh và truyền hình: Các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình luôn chủ động bám sát các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng nội dung tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổ chức tuyên truyền có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch; định kỳ tổ chức họp báo cung cấp thông tin các vấn đề dư luận quan tâm.

4. Về bảo vệ môi trường, cải cách hành chính, tư pháp và nội chính

4.1. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm tháo gỡ, giải quyết những tồn tại, khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất, công tác lập, triển khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lập các phương án bảo vệ khoáng sản và tài nguyên nước; công tác bảo vệ môi trường và một số vấn đề vướng mắc của địa phương, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Báo cáo HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh tên dự án cần thu hồi đất và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022; Ban hành 63 Quyết định về công tác giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất và điều chỉnh đối với các đơn vị tổ chức. Tập trung thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và đo đạc, lập bản đồ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức thẩm định giá và đẩy nhanh việc thực hiện đấu giá đất để tăng nguồn thu từ đất đai (tính đến nay tổng thu từ đất đai đạt gần 650 tỷ đồng).

Tập trung, quyết liệt trong việc chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án trên địa bàn tỉnh như: Ban hành Quy định cơ chế tài chính thực hiện dự án Tái định cư do nhà đầu tư dự án có sử dụng đất tự nguyện ứng trước kinh phí để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh (Quyết định 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021); Tổ chức xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Thực hiện việc ứng vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm của tỉnh; Thường

xuyên tổ chức họp để xử lý những vướng mắc, khó khăn về giải phóng mặt bằng theo Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của tỉnh Đắk Nông.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình khai thác khoáng sản trái phép theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chương trình số 24-CTr/TU ngày 27/8/2021; Xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tập trung tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc chồng lấn quy hoạch bóc xít và các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Triển khai đề án lắp đặt camera giám sát hoạt động quản lý khai thác cát trên địa bàn huyện Krông Nô. Tăng cường và nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

Chỉ đạo cơ quan chức năng thường xuyên cập nhật dự báo diễn biến khí tượng thủy văn, thời tiết, khí hậu, đăng tải trên Trang thông tin điện tử <http://kttvdaknong.com.vn> và định kỳ đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nhìn chung trong thời gian qua, tình hình khí tượng, thời tiết trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Triển khai kịp thời các nhiệm vụ theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường công tác quản lý chất thải, thu gom rác thải tại các hộ gia đình, khu cách ly, điều trị COVID-19. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường từ các bãi rác thải tập trung, các cơ sở chăn nuôi heo tập trung; Nâng cao sự chủ động và tích cực hơn của UBND cấp huyện, thành phố và cấp xã đối với việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các nguồn ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

4.2. Công tác cải cách hành chính: Cải cách thủ tục hành chính được thúc đẩy mạnh mẽ dù trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp. Việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa các cấp ngày càng được cải thiện theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, dân chủ và hiện đại. Tình hình tổ chức, hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa tại UBND các huyện, thành phố cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Kết quả chỉ số cải cách hành chính (PAR-Index) năm 2021 tỉnh Đắk Nông đạt 86,26 điểm, xếp thứ 41/63 (tăng 4,21 điểm và tăng 10 bậc so với năm 2020), nằm trong nhóm B; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đạt 40,04 điểm, xếp thứ 49/63 (giảm 1,59 điểm và giảm 2 bậc so với năm 2020).

4.3. Tổ chức bộ máy nhà nước: Cơ cấu tổ chức, bộ máy tại các sở, ngành được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, huyện. Chế độ công vụ có nhiều đổi mới tích cực. Theo đó, tăng cường phân cấp; cải cách thủ tục hành chính; đổi mới chính sách tuyển dụng; giảm biên chế đạt mục tiêu đề ra.

4.4. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng:

Trong 7 tháng đầu năm 2022, các tổ chức thanh tra trên địa bàn tỉnh đã bám sát định hướng của Thanh tra Chính phủ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra đảm bảo trọng tâm, trọng điểm; nỗ lực, triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo mục tiêu chung là vừa giúp ổn định tình hình an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội của tỉnh và đồng thời tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Ngành Thanh tra Đắk Nông đã thực hiện 53 cuộc thanh tra hành chính⁽²⁵⁾ tại 167 đơn vị (22 cuộc từ kỳ trước chuyển sang)⁽²⁶⁾; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 07 tổ chức, chuyển thông tin qua cơ quan cảnh sát điều tra 02 vụ việc⁽²⁷⁾, kiến nghị sửa đổi, bổ sung 01 cơ chế, chính sách⁽²⁸⁾.

Toàn ngành đã thực hiện 55 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 400 tổ chức, cá nhân trên các lĩnh vực, đã ban hành 37 kết luận thanh tra, báo cáo kết quả kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm trong quản lý, bảo vệ rừng để mất rừng với tổng diện tích 2.052,7 ha⁽²⁹⁾, sai phạm về kinh tế với số tiền là 291,1 triệu đồng, đã kiến nghị thu hồi 136,4 triệu đồng, 2.131,1 ha đất lâm nghiệp và 57,94 ha đất nông nghiệp, kiến nghị xử lý khác 154,7 triệu đồng, ban hành 157 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 521,9 triệu đồng; kiến nghị xử lý hành chính 21 tổ chức, 40 cá nhân; chuyển thông tin cơ quan Cảnh sát điều tra 01 vụ việc⁽³⁰⁾.

Công tác phòng, chống tham nhũng đã đạt được một số kết quả tích cực, các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng trên địa bàn toàn tỉnh được thực hiện đồng bộ. Hiệu quả của hoạt động thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng đã được nâng lên, góp phần chấn chỉnh các hạn chế, nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng tại các đơn vị được thanh tra. Triển khai 14 cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại 16 đơn vị (04 cuộc thanh tra chuyển qua từ năm 2021), đã ban hành 06 kết luận thanh tra. Qua thanh tra đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng của đơn vị được thanh tra.

4.5. Công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo: Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh được quan tâm;

²⁵ 42 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 11 cuộc thanh tra đột xuất

²⁶ Đã ban hành 33 kết luận thanh tra, qua thanh tra phát hiện các đơn vị có sai phạm về kinh tế với số tiền 6.717,3 triệu đồng, về đất là 76.458,0 m² đất các loại; trong đó đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.646,8 triệu đồng, kiến nghị khác 5.070,5 triệu đồng, kiến nghị lập thủ tục thuê đất đối với 76.458,0 m² đất các loại, kiến nghị xử lý trách nhiệm 31 tổ chức và 62 cá nhân.

²⁷ Nội dung khảo sát địa chất để lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, sử dụng kết quả khảo sát để lập thiết kế bản vẽ thi công công trình Thủy lợi Suối Đá, xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong; Nội dung mua sắm 04 gói thầu sinh phẩm xét nghiệm của Công ty cổ phần Công nghệ Việt Á đến Công an tỉnh để xem xét, xác minh, xử lý theo quy định.

²⁸ quy định pháp luật trong công tác quản lý mua sắm VTYT, hóa chất

²⁹ Tổng diện tích trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là 2.131,1 triệu đồng.

³⁰ Chuyển nội dung về hành vi thiếu trách nhiệm, buông lỏng công tác quản lý, bảo vệ rừng của Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Trung bộ và Tây Nguyên rừng để rừng bị mất, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm.

người đứng đầu các sở, ngành, địa phương đã cơ bản thực hiện tốt các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; số vụ việc khiếu nại, tố cáo mới, phát sinh, nhất là số vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp giảm đáng kể; chất lượng giải quyết khiếu nại lần đầu từng bước được nâng lên, không để xảy ra các điểm nóng về an ninh trật tự. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 1.070 lượt với 1.670 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh. Trong đó: tiếp thường xuyên là 857 lượt với 1.212 người, tiếp định kỳ và đột xuất của thủ trưởng các cấp là 213 lượt với 458 người. Đã tiếp nhận và xử lý 2.197 đơn, trong đó: khiếu nại 150 đơn; tố cáo 71 đơn; kiến nghị, phản ánh: 1.976 đơn. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã thụ lý giải quyết 26 vụ việc khiếu nại (15 vụ việc phát sinh trong kỳ, 11 vụ việc kỳ trước chuyển qua), 06 vụ việc tố cáo (04 vụ phát sinh trong kỳ; 02 vụ kỳ trước chuyển qua); đã giải quyết xong 15 vụ khiếu nại, 01 vụ tố cáo; tiếp tục giải quyết 11 vụ khiếu nại và 05 vụ tố cáo thuộc thẩm quyền.

4.6. Công tác tư pháp: Công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn. Công tác xây dựng văn bản QPPL, cho ý kiến đối với các vấn đề pháp lý phức tạp ở địa phương tiếp tục được chú trọng; công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp ở địa phương với các cơ quan, đơn vị có liên quan được thực hiện chủ động và hiệu quả hơn; tham gia có trách nhiệm đối với các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương. Công tác hành chính tư pháp phục vụ hiệu quả cho nhu cầu của người dân; quản lý Nhà nước đối với các tổ chức hỗ trợ tư pháp được thực hiện chặt chẽ thông qua việc thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ.

4.7. Công tác dân tộc và tôn giáo:

a) Công tác dân tộc: Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trong vùng dân tộc thiểu số được đảm bảo. Bên cạnh triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương, trong thời gian qua tỉnh Đắk Nông cũng đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều chương trình, chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh như: chương trình hành động công tác dân tộc thiểu số; công tác cán bộ dân tộc thiểu số; chính sách đầu tư phát triển bền vững bon, buôn có đồng đồng bào dân tộc thiểu số; đề án về nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số; đề án bảo tồn và phát huy lễ hội - hoa văn - công chiêng và nhạc cụ dân gian của dân tộc M'Nông; chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn sản xuất kinh doanh;... Vì vậy, đời sống, kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện và nâng cao, trong phát triển kinh tế, đồng bào dân tộc thiểu số bước đầu đã có bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất, trong đồng bào dân tộc thiểu số xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nhờ biết áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

b) Công tác tôn giáo: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 tôn giáo có số lượng tín đồ đông đang hoạt động, gồm: Công giáo, Tin lành và Phật giáo, với

tổng số khoảng 282.793 tín đồ⁽³¹⁾ (chiếm khoảng 42,5% dân số của tỉnh); 156 cơ sở tôn giáo; 323 chức sắc; 193 nữ tu, tu sỹ; 1.008 chức việc. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tuân thủ quy định của pháp luật, các cơ sở tôn giáo chấp hành nghiêm các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong việc tổ chức nghi lễ.

5. Về đảm bảo an ninh, quốc phòng và công tác đối ngoại

5.1. Về đảm bảo quốc phòng, biên giới, nâng cao năng lực quốc phòng:

Tình hình quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội được duy trì ổn định. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát trên tuyến biên giới, thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ biên giới, cửa khẩu, bảo vệ an toàn hệ thống cột mốc, cọc dấu, tâm cồn bãi được giao. Triển khai xây dựng khu căn cứ chiến đấu mô phỏng phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2022; xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự tỉnh năm 2022.

5.2. Về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông: Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội phạm, qua đó tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh luôn được đảm bảo. Trong 6 tháng đầu năm 2022, tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 170 vụ, giảm 40 vụ (giảm 19,04%) so với cùng kỳ, làm chết 06 người, bị thương 41 người, thiệt hại tài sản ước tính 16,9 tỷ đồng. Phát hiện, bắt 107 vụ, 193 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán, tổ chức sử dụng, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy và trồng cây cần sa⁽³²⁾ (giảm 09 vụ so với cùng kỳ). Xảy ra 26 vụ tai nạn giao thông (03 vụ rất nghiêm trọng, 12 vụ nghiêm trọng, 03 vụ ít nghiêm trọng, 08 vụ va chạm giao thông) làm chết 17 người, bị thương 15 người (giảm 21 vụ, 12 người chết, 31 người bị thương so với cùng kỳ). Xảy ra 02 vụ cháy (01 vụ cháy xe ô tô khách và 01 vụ cháy cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi), giảm 05 vụ so với cùng kỳ, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 3,1 tỷ đồng, không có thiệt hại về người.

5.3. Về công tác đối ngoại với các tỉnh bạn và ngoài nước:

Tổ chức lễ ký kết Chương trình hợp tác giữa tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Phước; tổng kết chương trình hợp tác giữa tỉnh Đắk Nông với tỉnh Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh.

Phối hợp với chính quyền tỉnh Mondulakiri, Vương quốc Campuchia chuẩn bị tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Đắk Nông/Việt Nam và tỉnh Mondulakiri/Campuchia giai đoạn 2016-2021 và ký kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2026. Các lực lượng thường xuyên phối hợp với các lực lượng chức năng của tỉnh Mondulakiri, Vương quốc Campuchia trong công tác ngăn chặn xuất nhập cảnh trái phép, phòng chống dịch Covid-19...

³¹ Trong đó có khoảng 535 tín đồ đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Hồi giáo (sinh hoạt tại gia).

³² Thu giữ 4,182kg heroin, 1,293kg ma túy tổng hợp, 3,461kg cần sa khô, 182 cây cần sa tươi, 66 gói nhỏ ma túy.

6. Đánh giá chung và tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

6.1. Đánh giá chung và kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

Trong 7 tháng đầu năm 2022, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chương trình, kế hoạch, nghị quyết phiên họp thường kỳ hàng tháng của Chính phủ, của Tỉnh ủy về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh đã trở lại trạng thái bình thường mới vì vậy các lĩnh vực cơ bản vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng ổn định, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá, đạt 6,33%, thu ngân sách đạt khá (đạt 75% dự toán địa phương giao), số lao động được tạo việc làm đạt trên 57% kế hoạch, thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh được đảm bảo ổn định, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức sôi nổi, đặc biệt là tổ chức thành công Chương trình nghệ thuật “Đắc Nông một tình yêu”, công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân được đảm bảo, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Bên cạnh một số kết quả đạt được nêu trên, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức, một số chỉ tiêu còn thấp so với kế hoạch, cụ thể như sau:

- Giá nguyên liệu đầu vào, nhất là giá nhiên liệu (xăng, dầu, gas) và vật liệu xây dựng tiếp tục tăng cao, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp cũng như hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp còn thấp, ngành công nghiệp chế biến chưa tạo ra những sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao; tình hình sản xuất của một số doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về vốn, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

- Giá một số mặt hàng nông sản chủ lực vẫn ở mức thấp, tăng không đáng kể đã ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân.

- Kết quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công vẫn ở mức thấp, làm hạn chế phần nào vai trò dẫn dắt, kích hoạt, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

- Tình trạng phá rừng trên địa bàn tỉnh vẫn xảy ra nhiều, phần lớn các vụ phá rừng chưa xác định đối tượng vi phạm, việc xử lý diện tích đất phá rừng, lấn chiếm trái phép còn nhiều bất cập; một số đơn vị chủ rừng chưa thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ, chưa tích cực trong công tác tuần tra kiểm tra; diện tích rừng manh mún, nhỏ lẻ, phân tán, nằm liền kề hoặc xen kẽ diện tích đất canh tác của người dân, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư ngoài ngân sách còn chậm so với yêu cầu, đặc biệt là các dự án điện gió, điện mặt trời; công tác bồi thường, giải

phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư và hoàn thiện hồ sơ pháp lý, xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan vẫn còn chậm.

- Việc triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại các đơn vị được kiểm toán chưa được xử lý dứt điểm dẫn đến kéo dài qua nhiều năm. Nguyên nhân chủ yếu do một số dự án có số dư tạm ứng lớn và kéo dài qua nhiều năm nhưng đến nay các chủ đầu tư vẫn chưa thu hồi được; một số đơn vị còn chậm trễ trong việc cung cấp chứng từ chứng minh kết quả thực hiện.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

Dự báo trong thời gian tới, dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp, kinh tế vĩ mô có thể tiếp tục suy giảm. Trong tình hình giá cả nguyên liệu đầu vào (gas, xăng, dầu, vật liệu xây dựng) tăng cao trong khi giá các mặt hàng nông sản chủ lực vẫn giữ ở mức thấp, chưa có nhiều chuyển biến tích cực; một số dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước dự kiến có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Vì vậy, dự báo thời gian tới phát triển kinh tế nội tỉnh sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức.

1. Dự báo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022

Trong 11 nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021, trên cơ sở kết quả thực hiện 7 tháng đầu năm, căn cứ vào một số dự địa phát triển còn lại của năm 2021, như: sản lượng ngành cà phê (chiếm tỷ trọng khoảng 50% khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản) sẽ thu hoạch vào quý IV; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ thường tăng đột biến vào quý IV để phục vụ cho nhu cầu thị trường Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; các cấp, các ngành tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các số giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để một số dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước dự kiến có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoàn thành đúng tiến độ; quyết tâm giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, UBND tỉnh có đủ cơ sở để giữ nguyên các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 (đặc biệt là chỉ tiêu tăng trưởng GRDP) đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thông qua. Dự kiến khả năng thực hiện các nhóm chỉ tiêu cả năm như sau:

- Tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP giá so sánh 2010): Theo số liệu do Tổng cục Thống kê công bố tại Công văn số 1189/TCTK-TKQG ngày 02/8/2022 ước đạt 22.335 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 7,03% so với năm 2021 (KH 2022 trên 7,5%); trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 8.48,15 tỷ đồng, tăng 4,47%; Công nghiệp và xây dựng ước đạt 4.495,48 tỷ đồng, tăng 9,45%; Dịch vụ ước đạt 8.404,02 tỷ đồng, tăng 7,73%; Thuế trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 951,08 tỷ đồng, tăng 4,05%. GRDP bình quân đầu người đạt 52,9 triệu đồng, đạt kế hoạch đề ra.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 38,49%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,08%; khu vực dịch vụ chiếm 37,18%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,25%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 19.279,8 tỷ đồng (KH 19.220), vượt kế hoạch, trong đó: Vốn khu vực nhà nước ước đạt 4.082,7 tỷ đồng, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân ước đạt 15.006 tỷ đồng, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 75,12 tỷ đồng, vốn huy động khác ước đạt 116 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 3.027 tỷ đồng, đạt dự toán HĐND tỉnh giao.

- Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung ước đạt 68%, đạt kế hoạch; tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%, đạt kế hoạch; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 99,2%, đạt kế hoạch; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới ước đạt 82%, đạt kế hoạch đề ra.

- Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm ước đạt 18.000 lượt người, đạt kế hoạch; đào tạo nghề cho khoảng 4.000 người, đạt kế hoạch; 11,5% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, vượt kế hoạch.

- Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021 - 2025): Ước tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ước giảm từ 5% trở lên, đạt kế hoạch.

- Y tế: Đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân, đạt kế hoạch; đạt 8,3 bác sỹ/vạn dân, đạt kế hoạch; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 92%, đạt kế hoạch.

- Giáo dục: Có 11 trường công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 111% kế hoạch.

- Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị ước đạt 53%, đạt kế hoạch.

- Môi trường: Trồng mới rừng tập trung trong năm đạt 1.659,5 ha, đạt kế hoạch; tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,5%, đạt kế hoạch.

- Nông thôn mới: Tăng thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,5 tiêu chí trở lên, đạt kế hoạch. Có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt kế hoạch.

2. Những giải pháp chủ yếu những tháng cuối năm 2022

Để đạt được mục tiêu trên, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong những tháng cuối năm, trong đó tập trung cao độ vào các nhóm giải pháp phục hồi kinh tế, gắn liền với thực hiện thành công kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2022, ngoài phần đầu thực hiện những nhiệm vụ giải pháp đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao từ đầu năm, các cấp, các ngành tập trung triển khai hiệu quả một số giải pháp trọng tâm sau đây:

2.1. Tập trung tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại các Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch của Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 được UBND tỉnh giao và các nội dung định hướng tại Nghị quyết Phiên họp của Chính phủ thường kỳ hàng tháng. Tập trung chỉ đạo triển khai nghiêm túc công tác xây dựng nội dung trình tại Kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026 theo chỉ đạo của HĐND và UBND tỉnh tại Kế hoạch 230/KH-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh.

- Tập trung tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 27/01/2022 về việc thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/12/2021 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 2022 và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Chương trình số 1765/CTr-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội các năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chất lượng, thời hạn theo quy định.

2.2. Công tác phòng, chống dịch COVID-19

Yêu cầu các cấp, các ngành tiếp tục theo dõi, đánh giá đúng tình hình dịch bệnh, tiếp tục đề cao cảnh giác tuyệt đối không lơ là, chủ quan. Phải luôn bám sát tình hình, thực tiễn để chủ động có giải pháp cụ thể, phù hợp và kịp thời đối với từng ngành, lĩnh vực; bảo đảm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh COVID-19”, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống, kiểm soát dịch Covid-19, vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc an sinh xã hội và đời sống nhân dân, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2.3. Về phát triển kinh tế

2.3.1. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh:

- Kịp thời nắm bắt thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh của hệ thống doanh nghiệp (các doanh nghiệp lớn về xuất nhập khẩu, kinh doanh du lịch, dịch vụ, các nhà máy chế biến công nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh), những khó khăn của doanh nghiệp, để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh bền vững, nhất là những doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; chủ động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các gói hỗ trợ của Chính phủ.

- Tăng cường sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông lâm nghiệp. Kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn về thủ tục hành chính trong việc cổ phần hóa, rút ngắn thời gian cổ phần hóa cho các doanh nghiệp.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực, phấn đấu đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém, góp phần tăng trưởng nền kinh tế của tỉnh. Mở rộng sự hợp tác giữa các tổ hợp tác, hợp tác xã với nhau; sự liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế để ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, nâng dần năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2022. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, ổn định thị trường.

2.3.2. Phát triển công nghiệp:

- Theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào, phương án tổ chức sản xuất của các doanh nghiệp để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp ảnh hưởng lớn đến tỷ trọng sản xuất ngành công nghiệp của tỉnh.

- Tập trung đầu tư, xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng trong thu hút đầu tư, trong triển khai thực hiện dự án, đặc biệt chú trọng đầu tư xây dựng và sớm hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Nhân cơ, đáp ứng tiến độ xây dựng Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông sớm đi vào hoạt động. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp.

- Theo dõi, đôn đốc các dự án, công trình xây dựng có kế hoạch triển khai trong năm 2022, đặc biệt là sớm có các giải pháp giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án điện gió đang triển khai thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ. Tiếp tục kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, hướng dẫn các vướng mắc trong cơ chế, chính sách đối với các quy định liên quan đến các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2.3.3. Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới; hướng đến nền nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, trách nhiệm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường theo dõi tình hình sản xuất nông nghiệp, những diễn biến của thiên tai, sâu bệnh hại để kịp thời xử lý. Theo dõi, giám sát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm để kịp thời phát hiện, khoanh vùng và xử lý khi có dịch bệnh xảy ra, không để lây lan diện rộng. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật; thanh kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và kiểm tra việc sử dụng chất cấm, kháng sinh cấm trong chăn nuôi, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

- Theo dõi tình hình diễn biến nguồn nước trên các sông suối hồ đập và lịch trình nông vụ tại các địa phương; xây dựng các kế hoạch ứng phó cụ thể để triển khai thực hiện, giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, thiếu nước tưới nhằm ổn định sản xuất và thu nhập người dân. Xây dựng phương án tưới, quản lý điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất.

- Tập trung quản lý bảo vệ phát triển rừng. Xử lý nghiêm minh các vụ phá rừng, lấn chiếm đất rừng, lập lại kỷ cương trong công tác quản lý và bảo vệ rừng. Đẩy mạnh trồng rừng tập trung và cây phân tán, tăng độ che phủ rừng.

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn.

2.3.4. Về thương mại, dịch vụ và du lịch:

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường, ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, các sự kiện có quy mô quốc tế để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường, tìm kiếm đối tác xuất khẩu.

- Tập trung thu hút đầu tư các khu, điểm du lịch trọng điểm để khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế về khí hậu, địa hình tự nhiên, các giá trị văn hóa - đặc trưng sinh thái bản địa gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Tập trung triển khai các nhiệm vụ tổ chức Hội nghị quốc tế về Hang động núi lửa lần thứ 20 tại tỉnh Đắk Nông.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai các hoạt động kích cầu du lịch tỉnh Đắk Nông năm 2022. Triển khai tốt các giải pháp kích cầu, khôi phục thị trường, thu hút khách du lịch đến với Đắk Nông; phấn đấu đạt hoặc vượt các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển ngành du lịch Đắk Nông năm 2022 ở mức cao nhất.

2.3.5. Tài chính, thu chi ngân sách:

- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chủ trương của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chỉ đạo các tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, thúc đẩy cho vay mới để doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách để đạt chỉ tiêu dự toán được giao là 3.000 tỷ đồng như nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho ngành Thuế, ngành Tài chính từ đầu năm.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế; xử lý dứt điểm các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về truy thu thuế; đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế của các năm trước. Triển khai thu, nộp có hiệu quả các nguồn thu từ khai

thác khoáng sản, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tăng cường rà soát, nắm chắc các nguồn thu và đối tượng nộp thuế trên địa bàn, phân đầu vượt thu các lĩnh vực, ngành nghề mới, có điều kiện phát triển để bù đắp phần giảm thu do diễn biến bất lợi của thời tiết, dịch bệnh,... Kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, giúp hoạt động kinh doanh phát triển ổn định, bền vững; xem xét giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

2.3.6. Đầu tư phát triển:

- Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7318/UBND-KTTH ngày 16/12/2021 về việc thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2022; Công văn số 1688/UBND-KT ngày 06/4/2022 về việc đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022; Công văn số 2542/UBND-KT ngày 17/5/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài. Phân đầu giải ngân đạt 100% kế hoạch; kết quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các chủ đầu tư trong việc thanh toán, giải ngân vốn đầu tư phát triển.

- Chủ động hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án, kiên quyết xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện dự án; kiên quyết thu hồi những dự án không thực hiện hoặc không đúng tiến độ. Khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Công văn số 3029/UBND-KT ngày 08/6/2022.

- Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (theo Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh).

2.4. Về văn hóa, xã hội

2.4.1. Về công tác giáo dục và đào tạo:

- Chỉ đạo thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2022-2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 3. Tổ chức biên soạn Tài liệu địa phương lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp THCS và THPT, phê duyệt kết quả tuyển sinh cấp THCS và THPT năm học 2022-2023.

- Tổ chức kiểm định chất lượng, đánh giá ngoài và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

2.4.2. *Về văn hóa, thể dục thể thao:* Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản địa; từng bước hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở và sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức và tham dự các hội thao, giải thi đấu thể thao theo kế hoạch, phấn đấu đạt thành tích cao.

2.4.3. *Giảm nghèo, an sinh xã hội:* Triển khai thực hiện các chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất để tăng thu nhập, phấn đấu đến cuối năm tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm 3%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm 5%.

2.4.4. *Lao động, việc làm:*

- Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển thị trường lao động và an sinh xã hội phù hợp với tổng thể Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh các giải pháp thực hiện chăm lo, bảo đảm đời sống cho người lao động, tổ chức thông tin, điều tiết kết nối cung - cầu lao động, đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động.

- Đẩy mạnh hạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tăng cường kết nối giữ doanh nghiệp với người lao động tại địa phương để người lao động có việc làm ổn định.

2.4.5. *Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:*

- Triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp phòng, chống, ngăn chặn hiệu quả sự bùng phát dịch bệnh tay chân miệng trên địa bàn, tập trung vào các vùng có số mắc cao, có nguy cơ bùng phát dịch; tiếp tục thực hiện các nội dung chỉ đạo của Bộ Y tế tại Công văn số 2189/BYT-DP ngày 28/4/2022 về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh mùa hè năm 2022, trong đó có dịch bệnh tay chân miệng.

- Chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc trực và điều trị bệnh; đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế.

- Chỉ đạo các cơ sở tiêm chủng đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi và mũi nhắc lại cho người từ 18 tuổi trở lên; bố trí các điểm tiêm chủng phù hợp và tổ chức tiêm chủng an toàn, hiệu quả, khoa học, hoàn thành việc tiêm cho trẻ đủ điều kiện tiêm chủng.

2.4.6. *Về phát triển khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông:*

- Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường đăng ký bảo hộ sản phẩm, chỉ dẫn địa lý... đối với các sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc trưng của tỉnh. Tổ chức Kiểm tra, quản lý tốt các nhiệm vụ KH&CN đang triển khai đảm bảo đúng quy trình, tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

2.4.7. Công tác lập quy hoạch: Đẩy nhanh công tác lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra. Khẩn trương hoàn thiện việc lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022.

2.5. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất sau thanh tra, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, tạo quỹ đất sạch.

- Tăng cường công tác quản lý giá đất, kiểm soát tình hình biến động giá đất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo giá đất cụ thể khi được xác định và phê duyệt phản ánh đúng tình hình giá đất tại địa phương.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật đất đai trên địa bàn tỉnh; rà soát văn bản pháp luật có liên quan để tham mưu, sửa đổi, bổ sung đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai và việc thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai; thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật đối với người sử dụng đất, đặc biệt là đối với các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư. Kiên quyết xử lý nghiêm, triệt để đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng trên địa bàn.

2.6. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, tư pháp

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các hoạt động trực tuyến trong chỉ đạo, điều hành, làm việc, học tập, thực hiện thủ tục hành chính; hướng dẫn, khuyến khích người dân tăng cường sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

- Thực hiện hiệu quả cải cách công vụ; thắt chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ công chức. Kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về kỷ cương, đạo đức công vụ của công chức.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra; tăng cường công tác quản lý nhà nước về thanh tra; tập trung thanh tra vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo các tổ chức thanh tra trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác nắm bắt tình hình khiếu nại, tố cáo để kịp thời tham mưu xử lý những vụ việc mới phát sinh, không để trở thành điểm nóng. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ các cuộc thanh tra theo kế hoạch, đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tập trung nắm tình hình ngay từ cơ sở để giải quyết những bức xúc trong nhân dân; nhất là tình trạng khiếu kiện kéo dài, tranh chấp đất đai, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các điểm nóng trên địa bàn, giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định; thông báo, công khai trên cổng thông tin điện tử lịch tiếp

công dân, kết quả tiếp công dân, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cơ sở.

2.7. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh: Giữ vững an ninh chính trị, xã hội, đảm bảo quốc phòng trên địa bàn. Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu và tổ chức huấn luyện cho các đối tượng theo quy định; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2022, đồng thời triển khai hiệu quả các biện pháp trấn áp tội phạm, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí. Tiếp tục củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

Dự báo thực hiện kế hoạch năm 2023 trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước sẽ tiếp tục có những diễn biến đa chiều, đan xen giữa cơ hội, thách thức. Trên thế giới, hòa bình và liên kết, phụ thuộc lẫn nhau vẫn là xu thế chủ đạo, cạnh tranh chiến lược, xung đột lợi ích tiếp tục diễn ra ngày càng phức tạp, khó lường. Xu hướng liên kết kinh tế trong cộng đồng ASEAN và các quốc gia thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), hiệp định tự do thương mại Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) tác động lớn đến phát triển của đất nước. Xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI đã và đang diễn ra và ngày càng thể hiện rõ nét hơn từ khi có đại dịch COVID-19. Xu hướng đầu tư của thế giới đang tập trung vào các vùng có lợi thế về nguồn nguyên liệu. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ tạo ra cả thời cơ và thách thức. Dự báo năm 2023 tình hình dịch Covid-19 đã được khống chế hoàn toàn, các lĩnh vực kinh tế - xã hội tiếp tục được phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, đặc biệt là ngành công nghiệp, thương mại, du lịch và đầu tư đang trên đà phục hồi và phát triển sẽ đẩy tốc độ tăng trưởng lên đáng kể trong năm 2023.

Tuy nhiên, tình hình chính trị - xã hội thế giới và khu vực vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn; tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 đến kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế sẽ làm cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa thể sớm phục hồi; giá cả nguyên liệu đầu vào (xăng, dầu, nguyên vật liệu) vẫn giữ ở mức cao sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống của người dân. Trong tỉnh, tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, sẽ tác động lớn đến nền kinh tế nội tỉnh (khu vực nông nghiệp, công nghiệp khai khoáng, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn), đặt ra cho các cấp, các ngành nhiều nhiệm vụ nặng nề và thách thức to lớn, đòi hỏi phải tập trung cao độ, quyết tâm phấn đấu để đạt được cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, đồng thời triển khai một cách nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra trong năm 2023.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tạo động lực thúc đẩy phát triển cho những năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe nhân dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực hướng trực tiếp phục vụ cho nhu cầu sản xuất nội tỉnh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2023

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; các quan điểm, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Đắk Nông xây dựng các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2023, gồm 11 nhóm chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể như sau:

(1) Tăng trưởng GRDP đạt 8,24%; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,19%; Công nghiệp và xây dựng tăng 18%; Dịch vụ tăng 7,48%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,93%. GRDP bình quân đầu người đạt 58,01 triệu đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 21.208 tỷ đồng (trong đó: Vốn khu vực nhà nước ước đạt 4.489 tỷ đồng, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân ước đạt 16.505 tỷ đồng, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 86,6 tỷ đồng, vốn huy động khác ước đạt 127 tỷ đồng).

(3) Thu ngân sách nhà nước: 3.360 tỷ đồng.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 70%; tỷ lệ đô thị hóa 31%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,5%; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 83%.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.000 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 15% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021 - 2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

(7) Y tế: Đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,75%.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 61%.

(10) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; trồng mới rừng tập trung trong năm 1.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng trên 39%.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 17 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII tỉnh Đắk Nông, Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; kịp thời triển khai các chính sách của Trung ương đảm bảo phù hợp với tình hình của địa phương.

- Quán triệt và thực hiện nghiêm, hiệu quả tất cả các chính sách của Trung ương, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025; các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Tiếp tục kế thừa, xây dựng hệ thống chính quyền các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; hành động thiết thực, hiệu quả, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, đề cao trách nhiệm nêu gương và tinh thần gương mẫu của người đứng đầu.

- Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương để áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện có, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về các cơ chế chính sách của nhà nước; phát huy các lợi thế sẵn có của địa phương cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ mà UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; làm tốt công tác theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng, có chế tài xử lý đối với việc không thực hiện tốt nhiệm vụ đúng hạn định.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề ra định hướng, mục tiêu chiến lược, xác định các động lực, nguồn lực phát triển của địa phương để bảo đảm cho sự phát triển đồng bộ, thống nhất, khai thác nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cho phát triển bền vững. Cập nhật những định hướng mới của Trung ương, xu hướng mới của phát triển kinh tế, trong điều kiện hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế để định hướng mô hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và quản lý chặt chẽ, theo hướng phát huy lợi thế về diện mạo, địa hình, thổ nhưỡng đặc trưng của tỉnh miền núi và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

- Bám sát quan điểm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy và yêu cầu thực tiễn để tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì giữ vững ổn định kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế, đáp ứng kịp thời nhu cầu trước mắt và lâu dài, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công hàng năm và Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 của tỉnh.

- Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Bộ Y tế về thực hiện biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19; không chủ quan lơ là trong bối cảnh lây lan các biến chủng mới. Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc - xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh. Triển khai khẩn trương, quyết liệt, thống nhất các nội dung hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” và các hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng, chống dịch bệnh. Tập trung nguồn lực, ưu tiên cao nhất cho công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của Nhân dân.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của trung ương và địa phương đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, người lao động trên địa bàn tỉnh. Qua đó, thúc đẩy phục hồi kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, hướng đến phát triển nhanh, bền vững hơn.

- Xây dựng, đề xuất các chính sách, giải pháp và nguồn lực cụ thể nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trọng điểm, có tác động hiệu quả ngay đến doanh nghiệp, nền kinh tế, phát huy cao nhất hiệu quả các chính sách hỗ trợ của trung

ương và địa phương, có tính khả thi cao và phù hợp với mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp của Chính phủ về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, người dân, tiết giảm chi phí cho sản xuất, kinh doanh.

4. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển các thị trường lao động, vốn, bất động sản; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số

4.1. Công nghiệp:

- Tiếp tục phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và ưu tiên các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh của tỉnh. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, nhất là công nghiệp luyện nhôm, công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh. Thực hiện tốt quy hoạch và tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư dự án, đặc biệt là kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm, có đóng góp lớn đối với tăng trưởng và có sự lan tỏa đối với sự phát triển của tỉnh. Triển khai có hiệu quả các giải pháp thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; có cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 phục hồi sản xuất và kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất.

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hỗ trợ tích cực các nhà đầu tư vào nghiên cứu, đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và vốn đầu tư của ngành điện để đầu tư phát triển lưới điện, trạm biến áp để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng của địa phương.

- Rà soát, đánh giá, đề xuất bổ sung kịp thời các dự án điện gió, điện mặt trời vào Quy hoạch điện VIII nhằm đảm bảo nguồn điện cung cấp cho phát triển ngành công nghiệp bột - nhôm theo chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Chính phủ.

4.2. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nâng cao năng suất, chất lượng hàng nông sản, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Tập trung chuyển đổi cây trồng không thích nghi, tăng cường áp dụng cơ giới hóa, khoa học công nghệ, nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên phát

triển các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm tiềm năng và các sản phẩm chủ lực địa phương. Tập trung triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm an ninh lương thực; sử dụng linh hoạt đất lúa, hướng dẫn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường và thu nhập cao hơn; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân.

- Thực hiện tốt quy hoạch và tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư liên kết sản xuất với người dân, doanh nghiệp từ phát triển nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra chuỗi giá trị đồng bộ, ổn định và bền vững. Tổ chức liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản để nâng cao khả năng cung cấp nguyên liệu cho chế biến, đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, giá cả hợp lý đối với tất cả các mặt hàng.

- Hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, đặc biệt là chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại, nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Tập trung hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa dây chuyền chế biến để cho ra thị trường những sản phẩm phong phú về chủng loại, giá trị gia tăng cao, hạ giá thành và có sức cạnh tranh cao trên thị trường, đặc biệt là các mặt hàng như: cà phê, tiêu, điều, cao su...

- Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống. Nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP. Tăng cường thực hiện công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm (như: dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục, lở mồm long móng, cúm gia cầm...). Khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, an toàn dịch bệnh, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng... Xây dựng và thực hiện đề án phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh; Triển khai hiệu quả dự án lai thử nghiệm giống bò BBB trên địa bàn toàn tỉnh...

- Đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh và giá trị kinh tế cao. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường. Bảo vệ tuyệt đối diện tích rừng hiện có và triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

4.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch:

- Theo dõi diễn biến tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, đề kịp thời điều tiết cung - cầu và bình ổn thị trường; Thường xuyên cập nhật cung cấp thông tin về tình hình thị trường thương mại trong nước, xuất - nhập khẩu để các doanh nghiệp nắm tình hình, có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp.

- Kịp thời hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đổi mới, cải tiến

công nghệ, trang thiết bị để cải tiến mẫu mã, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, từ đó tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường; thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, tăng tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu có giá trị gia tăng cao sản xuất tại địa phương. Tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân; tăng cường công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và người tiêu dùng. Tập trung hỗ trợ, quảng bá các dự án khu du lịch nhằm khai thác có hiệu quả, bền vững các tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh. Khuyến khích đầu tư, phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao...; nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và y tế, chăm sóc sức khỏe.

- Khai thác và phục vụ tốt thị trường trong tỉnh, kết hợp với đẩy mạnh giao lưu hàng hóa với các tỉnh để mở rộng thị trường, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, với các trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ thương mại, tiếp tục quảng bá và thực hiện chính sách đưa hàng về nông thôn, thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Xây dựng đề án hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường và xúc tiến thương mại.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường bền vững, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao; tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu; Xây dựng Kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh và chất lượng cao của tỉnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước.

- Phát triển du lịch theo hướng sinh thái kết hợp văn hoá để khai thác tối đa các tiềm năng, nội lực của tỉnh, với lợi thế về khí hậu, cảnh quan; khai thác tối đa lợi thế thị trường khách thích tìm hiểu, khám phá về Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

4.4. Đầu tư và phát triển:

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án từ nguồn hỗ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ.

- Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Tiếp tục tăng cường các biện pháp vận động tài trợ và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, NGO. Đẩy mạnh thu hút và nâng cao chất lượng các dự án đầu tư FDI. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát

triển thông qua việc áp dụng đa dạng các hình thức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, ở tất cả các khâu trong quá trình đầu tư. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Huy động nguồn lực toàn xã hội tham gia đầu tư, phần đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt tỷ trọng trên 35%-40%/GRDP, phù hợp với nhu cầu vốn của tỉnh. Lựa chọn dự án đầu tư công dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội và thụ hưởng của số đông người dân. Tăng cường điều tiết đầu tư công từ ngân sách địa phương.

- Vận động nguồn vốn ODA để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, giảm nghèo bền vững. Chủ động tiếp cận trực tiếp đến các nhà tài trợ thông qua sự hỗ trợ, kết nối của các bộ, ngành Trung ương, các Đại sứ và Lãnh sự quán các nước. Vận động nguồn vốn ODA theo hướng gắn liền với tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, phát triển hành lang kinh tế Đông Tây, phát triển cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn liền với bảo vệ rừng, phòng chống biến đổi khí hậu. Đối với khu vực kinh tế nước ngoài (FDI): Chủ động định hướng kêu gọi đầu tư vào các dự án công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, các dự án có vốn lớn, động lực lan tỏa, kéo theo phát triển nhiều ngành, lĩnh vực. Hạn chế các dự án nông, lâm nghiệp, các dự án có hàm lượng công nghệ thấp, công nghệ lạc hậu ảnh hưởng môi trường, diện tích đất đai lớn, khu vực trọng điểm về an ninh quốc phòng.

4.5. Thu hút và xúc tiến đầu tư:

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, có biện pháp kiểm soát tài chính đối với các nhà đầu tư đăng ký đầu tư vào tỉnh. Sử dụng nguồn ngân sách để giải phóng mặt bằng các vị trí có khả năng thu hút và thuận lợi cho đầu tư để tạo quỹ đất lớn thu hút đầu tư. Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại vướng mắc và đẩy nhanh thời gian tối đa về quy trình đầu tư như: giao đất, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng cho dự án.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá tiềm năng, hình ảnh của Đắk Nông đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó chú trọng đến tiềm năng về phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, sản xuất alumin, điện phân nhôm, sau nhôm, năng lượng tái tạo và phát triển thương mại-dịch vụ. Tận dụng lợi thế để hình thành liên kết vùng và liên kết khu vực trong phát triển kinh tế - xã hội

- Chủ động định hướng kêu gọi nguồn vốn FDI đầu tư vào các dự án lớn, lan tỏa về công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

4.6. Tài chính, thu chi ngân sách:

- Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất để bố trí

đầu tư hoàn thiện các dự án đang thiếu nguồn vốn. Kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác, nhằm tạo nguồn tiết kiệm chi để tăng cho đầu tư phát triển.

- Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tích cực khai thác các nguồn thu của địa phương, nhất là nguồn thu từ việc khai thác quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

4.7. Phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh:

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả, hình thức hoạt động, gắn hoạt động với hiệu quả thực chất đối với các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông lâm nghiệp, phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia mạnh mẽ vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, tham gia rộng rãi vào quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, hưởng các ưu đãi theo quy định của Trung ương và địa phương.

- Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích áp dụng công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân cần tạo ra bầu không khí hợp tác giữa nhà nước và khu vực tư nhân hơn là chỉ đơn thuần cung cấp các ưu đãi tài chính; cần phải dựa vào cả các ưu đãi và các biện pháp hành chính để hướng khu vực tư nhân vào những lĩnh vực được xác định là ưu tiên phát triển của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo chuyển biến rõ nét; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công. Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại vướng mắc và đẩy nhanh thời gian thực hiện quy trình đầu tư.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và toàn diện, bước đầu ưu tiên hạ tầng giao thông để làm động lực, đi trước, tạo thúc đẩy phát triển toàn

diện kinh tế xã hội; ưu tiên hạ tầng thủy lợi để phục vụ nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng đô thị, du lịch và dịch vụ, hạ tầng khu công nghiệp. Đầu tư mở rộng, nâng cấp, sửa chữa các tuyến tỉnh lộ và một số tuyến giao thông quan trọng.

- Huy động mọi nguồn lực để đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối liên hoàn với hệ thống giao thông đối ngoại, liên kết giữa các khu vực với nhau, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong đó, ưu tiên dành vốn ngân sách Nhà nước đầu tư vào các công trình giao thông thiết yếu, quan trọng để thúc đẩy cho sự phát triển, nhưng khó huy động được vốn đầu tư ngoài ngân sách và huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách, các chương trình, dự án, các doanh nghiệp, thành phần kinh tế khác để đầu tư.

- Quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có và từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo trì đường bộ. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý, khai thác hành lang an toàn giao thông đường bộ có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông.

- Tập trung vốn, triển khai thực hiện hiệu quả những dự án có ý nghĩa quan trọng, tác động lớn, lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023 để chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh (01/01/2004 - 01/01/2024) đã được Thường trực Tỉnh ủy thông qua tại Thông báo số 453-TB/TU ngày 02/8/2021. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình trọng điểm của tỉnh như: Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh; Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2); nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 2, 3, 5; Trường Cao đẳng Cộng đồng (Giai đoạn 2); Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa; Các dự án đầu tư từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tập trung phối hợp với các bộ, ngành trung ương và UBND tỉnh Bình Phước để thúc đẩy, sớm triển khai thực hiện dự án Đường cao tốc đoạn Đắc Nông - Bình Phước và cải tạo nâng cấp các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh theo quy hoạch được phê duyệt.

- Thúc đẩy, hỗ trợ nhà đầu tư sớm đưa Nhà máy luyện nhôm vào hoạt động; hoàn thành Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2 để thu hút các dự án đầu tư dịch vụ phụ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp nhôm, sản xuất các sản phẩm sau nhôm.

6. Về phát triển văn hóa, xã hội

6.1. Giáo dục và đào tạo:

- Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Thực hiện các biện

pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo; triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Chú trọng công tác thu hút đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư giáo dục, liên kết, đầu tư giáo dục vào tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra toàn diện các hoạt động giáo dục đào tạo.

- Thu hút, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật tay nghề cao, đội ngũ nghiên cứu khoa học chuyên sâu. Xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở các cấp học theo hướng hiện đại.

6.2. Văn hóa, thể dục thể thao: Tập trung xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc, con người Việt Nam, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích các môn thể thao trọng điểm.

6.3. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Đổi mới toàn diện công tác quản lý nhà nước về y tế. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, mở rộng quy mô giường bệnh. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; phối hợp đầu tư theo hình thức đối tác công – tư. Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp duy trì mức sinh hợp lý, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

6.4. Về giảm nghèo, an sinh xã hội:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Nâng cao tỷ lệ bao phủ, hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đẩy mạnh công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em, phát triển thanh niên. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc.

6.5. Lao động, việc làm:

- Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; tăng tần suất và nâng cao chất lượng hoạt động của các phiên giao dịch việc làm. Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển

kinh tế, tạo việc làm cho người dân. Thông tin rộng rãi về thị trường lao động xuất khẩu. Kiểm tra giám sát các doanh nghiệp thực hiện các chính sách lao động và bảo hiểm.

- Theo dõi, nắm chắc tình hình sử dụng lao động, việc làm, chính sách tiền lương, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động; duy trì công tác đối thoại, tiếp xúc với người lao động, đại diện công đoàn và người sử dụng lao động.

- Triển khai kịp thời các gói hỗ trợ của trung ương cho người lao động theo quy định.

6.6. Phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số: Chủ động rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển phương thức từ quản lý tập trung quản lý “đầu vào” sang chủ yếu là quản lý “đầu ra” trong các khu vực kinh tế, hạ tầng, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; khuyến khích và bảo vệ cán bộ, công chức, viên chức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung.

6.7. Công tác thông tin tuyên truyền: Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông; quyết liệt đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

7. Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật

- Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, đề sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển. Thông qua hoạt động kiểm tra, rà soát nhằm kịp thời phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng văn bản pháp luật hoặc tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo văn bản pháp luật, phải bám sát yêu cầu phát triển và đổi mới của ngành, lĩnh vực quản lý; tránh tình trạng không có ý kiến hoặc cho ý kiến chung chung, không cụ thể, rõ ràng dẫn đến khi văn bản ban hành không khả thi hoặc phát sinh vướng mắc mới.

8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, công tác quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô, thực hiện tốt công tác trồng rừng thay thế, đặc biệt là các dự án thủy điện; rà soát các dự án thủy lợi để đảm bảo an toàn trong mùa mưa, đồng thời đảm bảo nước tưới vào mùa khô. Ngăn chặn quyết liệt, hiệu quả tình trạng chặt phá rừng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức về gìn giữ và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

9. Về xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực; công tác cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, trong đó tập trung rà soát những bất cập để bãi bỏ hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền bãi bỏ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong việc tiếp nhận và trả kết quả; tiếp tục đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 18, Nghị quyết số 19; đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ. Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực cao. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân định kỳ theo quy định, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, không để trở thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thắt chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức; tăng cường thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, xử lý sai phạm.

10. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh

- Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh cả về tiềm lực và thế trận, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phần đầu hoàn thành kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh;

hoàn thành các chỉ tiêu về động viên, xây dựng lực lượng, tuyển quân do trung ương giao.

- Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Phước và các tỉnh trong khu vực, các tổng công ty lớn của trung ương. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondulakiri, Vương quốc Campuchia.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh Đắk Nông. Kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Hồ Văn Mười

Phụ lục

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023 CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG(Kèm theo Báo cáo số **457**/BC-UBND ngày **10** tháng **8** năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Dự kiến năm 2023		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2022(%)	So với ước thực hiện 2022 (%)
1	Tốc độ tăng GRDP	%	8,63	7,5	7,03	81,5	8,24	109,9	117,2
2	Quy mô GRDP theo giá hiện hành	Tỷ đồng	34.618,6	35.789	35.789	103,4	39.792	111,2	111,2
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	52,1	52,9	59,81	114,8	59,98	113,4	100,3
4	Cơ cấu kinh tế	%	100	100	100		100		
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	38,11	37,21	37,21	97,6	33,84	90,9	90,9
-	Công nghiệp, xây dựng	%	18,74	18,92	18,92	101,0	20,05	106,0	106,0
-	Dịch vụ	%	38,69	39,18	39,18	101,3	41,31	105,4	105,4
-	Thuế, trợ cấp sản phẩm	%	4,46	4,69	4,69	105,2	4,79	102,1	102,1
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	2.029	1.166,23	1.166,23	57,5	1.236	106	106
6	Thu ngân sách địa phương								
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.517	3.000	3.027	86,08	3.000	100,0	99,1
+	Trong đó thu nội địa	Tỷ đồng	2.894	2.837	2.850	98,49	2.820	99,4	98,9
	Trong đó:								
	Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	519	650	615	118,5	560	86,2	91,1
	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	24,2	28	24	99,3	26	92,9	108,3
-	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	2.700	2.637	2.675	99	2.607	99	97
	Trong đó:								
+	Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	Tỷ đồng	1.512	1.608	1.542	102	1.472	92	96
+	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng	1.185	1.029	1.134	96	1.135	110	100
7	Chi ngân sách địa phương								
-	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.005	7.634,816	8.510	121	8.891	116	104
	Trong đó:								
+	Chi đầu tư	Tỷ đồng	2.213	1.166	1.279	58	1.262	108	99



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Dự kiến năm 2023		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2022(%)	So với ước thực hiện 2022 (%)
+	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế)	Tỷ đồng	4.790	4.781	4.795	100	4.945	103	103
8	Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	49,5	46,8	46,8	95	47,2	101	101
9	Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)		52/63	Tăng 1-2 bậc	Tăng 1-2 bậc	51/63	Tăng 1-2 bậc	Tăng 1 bậc	Tăng 1 bậc
10	Thứ hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)		Nhóm thấp nhất	Nhóm TB	Nhóm TB	Đạt KH	Nhóm TB	Tăng nhóm	Tăng nhóm
	Thứ hạng chỉ số cải cách hành chính (PAR-Index)		41/63	48/63	40/63	Tăng 1 bậc	39/63	Tăng 8 bậc	Tăng 1 bậc
11	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	2.727	3.180	3.180	116,61	3.690	116	116
12	Về đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo								
-	Số dự án	Dự án	12	15	15	125	17	113	113
-	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	70,6	73,6	75,12	106	86,6	118	115
-	Vốn đăng ký	Triệu USD	229	472	472	206	1732	367	367
13	Dân số	Người	664.416	676.510	672.547	101	683.789	101	102
14	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	389.072	397.705	397.705	102	410.230	103	103
15	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%	58,21	58,23	58,23	100	58,07	100	100
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	45	47,5	47,5	106	48	101	101
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	6 (lũy kế 35 xã)	Tăng thêm 3 xã	Tăng thêm 3 xã	50	Tăng thêm 3 xã	100	100
18	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	58,33	63,33	63,33	108,57	68,33	107,89	107,89
19	Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	%	12,50	0	0	0	0	0	0
20	Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều								
-	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	Giảm từ 2% trở lên	Giảm từ 3% trở lên	Giảm từ 3% trở lên	100	Giảm từ 3% trở lên		100
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %	Giảm từ 2% trở lên	Giảm từ 3% trở lên	Giảm từ 3% trở lên	100	Giảm từ 3% trở lên		100

